

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày 25/6/2021

Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2019 (Chuyển thụ lý vụ án dân sự số 11//2020/TLST-DS ngày 07/02/2020) về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 02/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 18/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (Viết tắt là A, sau đây gọi là Ngân hàng); địa chỉ: Số nhà 02 đường L, Quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đồng Đức H, sinh năm 1971; Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 45C đường N, khóm 1, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án và Giấy ủy quyền số 189/GUQ-NH.VC ngày 25/6/2021 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V về ủy quyền lại).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 102 ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trương Thị Bích H, sinh năm 1967 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 102 ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1991 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 32 ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 (BL 114) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng N cũng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Đồng Đức H trình bày:

Ngày 26 tháng 4 năm 2017, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng với ông Nguyễn Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV201700474. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); mục đích vay để nuôi tôm; lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 8,4%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc một lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ gốc ngày 20/4/2018. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông T cùng với vợ là bà Trương Thị Bích H và con trai là anh Nguyễn Duy K đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 149/VH/49/2017/HĐTC ngày 26/4/2017; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 723628 ngày 23/10/1996, được Ủy ban nhân dân huyện V (Nay là thị xã V) cấp cho hộ Nguyễn Văn T. Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và ông T đã nhận đủ tiền vay. Tính đến ngày 25/6/2021, ông T còn nợ tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và nợ lãi trong hạn là 101.188.889 đồng, lãi quá hạn là 18.075.556 đồng; tổng cộng là 519.264.444 đồng (Năm trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn T với bà Trương Thị Bích H phải thanh toán số nợ nêu trên; đồng thời, ông T - bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông T - bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và Giấy ủy quyền lại; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700474; Giấy nhận nợ ngày 26/4/2017; Hợp đồng thế chấp số 149/VH/49/2017/HĐTC; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp và tài liệu liên quan khác.

- Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Bích H, anh Nguyễn Duy K:

Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông T, bà H và anh K đều không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Gia đình bị đơn chỉ có ông T, bà H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải; riêng anh K thì vắng mặt không có lý do tại cả 02 phiên họp, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho ông T, bà H, anh K và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 18/6/2021, cả bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông T và bà H cùng thừa nhận ông T đã ký Hợp đồng tín dụng, ông T - bà H đã ký Hợp đồng thế chấp để ông T vay tiền, cùng sử dụng tiền vay để nuôi tôm; hiện còn nợ số tiền gốc, tiền lãi đúng như Ngân hàng trình bày. Do chăn nuôi không thuận lợi, liên tục bị thua lỗ nên không có khả năng trả nợ; ông T, bà H đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng trả nợ 2,4 triệu đồng. Do ông T, bà H có thiện chí trả nợ và tài sản thế chấp là được thừa hưởng của cha mẹ nên cần phải gìn giữ, không đồng ý cho Ngân hàng yêu cầu phát mãi, đề nghị Ngân hàng rút đơn khởi kiện để gia đình ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được là: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp (BL 156); Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (BL 181). Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự tuy có để án quá hạn thời gian đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T với bà H thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông T - bà H không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, phía bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông T - bà H thanh toán tiền vốn vay và lãi suất theo Hợp đồng; bị đơn vay tiền sử dụng để nuôi tôm nên đây là giao dịch về dân sự, thuộc trường hợp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, bà H và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Hợp đồng tín dụng (BL 121), Giấy nhận nợ (BL 122), Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (BL 127), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 128), Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất (BL 129), Bảng kê tính lãi chưa thu (Tạm tính) cũng như việc thừa nhận và không phản đối của bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung các hợp đồng; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 26 tháng 4 năm 2017, ông Nguyễn Văn T đã giao kết Hợp đồng với Ngân hàng N - Chi nhánh V để vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), sử dụng chung với vợ là bà H để nuôi tôm; ông T và bà H còn ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do hộ Nguyễn Văn T đứng tên với Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay nêu trên của ông T.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 156) thì quyền sử dụng đất được các đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm và hiện trạng:

+ Thứ nhất, thửa đất 348, tờ bản đồ số 08 được cải tạo một phần thành ao nuôi tôm nhưng đã bỏ trống, phần còn lại là đất rẫy chỉ có cỏ mọc tự nhiên và 01 căn chòi mái lá, vách lá, nền vừa xi măng.

+ Thứ hai, thửa đất 352, tờ bản đồ số 08 được cải tạo một phần lớn thành 07 ao nuôi tôm nhưng đã bỏ trống, phần còn lại được ông T - bà H cất nhà ở từ năm 2002 và sửa chữa lại năm 2018 gồm nhà trước và nhà sau.

Cả 02 thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ Nguyễn Văn T đứng tên và có nguồn gốc do ông T được thừa hưởng từ cha mẹ để lại; riêng nhà ở và căn chòi do vợ chồng ông T xây cất, các con của ông T còn nhỏ nên không đóng góp vào việc xây dựng. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên đều do ông T, bà H và anh K cùng quản lý, sử dụng; ngoài ra, không còn liên quan đến người nào khác.

- Căn cứ Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (BL 181), thì: Ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị Bích H hoàn toàn thống nhất các tài liệu, chứng cứ được công bố; không bổ sung tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Xét Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700474 ngày 26/4/2017, thì thấy:

Theo Điều 60 Điều lệ của Ngân hàng (BL 16) và Danh sách mạng lưới kèm theo (BL 12) có nội dung quy định chi nhánh được tổ chức hoạt động, thực hiện hạch toán và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp phù hợp với Điều 49 của Luật các tổ chức tín dụng; về phía bị đơn là ông T không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N - Chi nhánh V ký kết Hợp đồng trên với bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự; các đương sự đều thừa nhận và không phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để chăn nuôi là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và phía bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành. Tính đến ngày 25/6/2021, ông T chưa trả tiền vốn, chưa trả tiền lãi từ ngày 31/12/2017 nên còn nợ Ngân hàng tiền vốn 400.000.000 đồng và lãi 119.264.444 đồng là đã vi phạm Điều 8 của Hợp đồng tín dụng và hạn trả nợ tại Giấy nhận nợ kèm theo nên phía bị đơn đã có lỗi.

Ông T, bà H thừa nhận toàn bộ số tiền còn nợ cũng như vi phạm nghĩa vụ thanh toán; nguyên đơn tính tiền lãi đúng Hợp đồng và không có vấn đề trở ngại khách quan, bà H trực tiếp thừa nhận đã thống nhất ý chí với ông T vay tiền, cùng sử dụng chung tiền vay nên căn cứ Khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông T với bà H liên đới thanh toán 519.264.444 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 26/6/2021 cho đến khi trả hết nợ vay và các nghĩa vụ tương ứng khác.

Xét Hợp đồng thế chấp số 149/VH/49/2017/HĐTC ngày 26/4/2017, thì thấy:

Tương tự như việc ký Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700474, các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm, không có đương sự nào phản đối, khiếu nại. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Xét ý kiến của phía bị đơn về không đồng ý Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, thì thấy: Mặc dù vợ chồng ông T cho rằng có thiện chí trả nợ nhưng rõ ràng là mâu thuẫn, bởi đã qua 1.301 ngày không trả tiền lãi; đồng thời, nếu vợ chồng ông T cần giữ gìn tài sản được thừa hưởng thì đã không đưa vào thế chấp và đã muốn giữ gìn tài sản này thì cũng không có chuyện sẽ bán để trả nợ theo đề nghị Ngân hàng rút đơn khởi kiện. Cho nên, lời trình bày của vợ chồng ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, trường hợp ông T với bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, là thực hiện đúng Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng.

Theo Phiếu chi ngày 25/6/2021 của Tòa án thì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Bích H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên ông T - bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng số tiền 750.000 đồng, quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T - bà Trương Thị Bích H phải liên đới chịu theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể là 20.000.000 đồng + (4% x 119.264.444 đồng) = 24.770.577 đồng .

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bị đơn Nguyễn Văn T, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201700474 ngày 26/4/2017 giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T với bà Trương Thị Bích H có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng 519.264.444 đồng (Năm trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Nếu ông T, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có yêu cầu thi hành án thì ông T với bà H còn phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Ngoài ra, ông T với bà H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 26/6/2021 đến khi trả hết nợ vay. Khi Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thông báo cho ông T - bà H, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông T - bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 149/VH/49/2017/HĐTC ngày 26/4/2017 để thu hồi nợ. Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Bích H, anh Nguyễn Duy K có nghĩa vụ giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp này để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T với bà Trương Thị Bích H phải liên đới chịu 24.770.577 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn năm trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.950755 đồng, theo Biên lai thu số 0008039 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T với bà Trương Thị Bích H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Ngân hàng, ông T, bà H có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐÚC CHƯƠNG